

UBND TỈNH KIÊN GIANG
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1867 /SYT-NVD

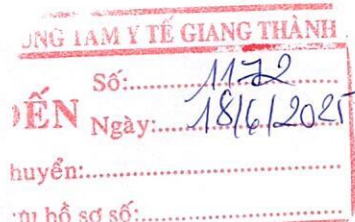
Kiên Giang, ngày 17 tháng 6 năm 2025

V/v điều chỉnh thông tin trúng
thầu tại Quyết định 957 /QĐ-SYT
và Quyết định 958 /QĐ-SYT
ngày 04/7/2023 (lần 58).

Kính gửi:

- Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế;
- Bệnh viện Bình An;
- Bệnh xá Công an tỉnh;
- Các nhà thầu.

(Sau đây gọi chung là các đơn vị)



Căn cứ Quyết định số 957/QĐ-SYT ngày 04/7/2023 của Sở Y tế về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu thuốc generic thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc tập trung tỉnh Kiên Giang đối với các mặt hàng thuốc không lựa chọn được nhà thầu và thuốc trúng thầu phát sinh nhu cầu sử dụng thêm số lượng, giai đoạn 2021-2023, (Theo Quyết định số 3331/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Kiên Giang); Quyết định số 958/QĐ-SYT ngày 04/7/2023 của Sở Y tế về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu thuốc generic thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc tập trung tỉnh Kiên Giang đối với các mặt hàng thuốc phát sinh nhu cầu sử dụng, (Theo Quyết định số 3361/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Kiên Giang). Căn cứ tại Mục ĐKC 26.1 Chương VII Điều kiện cụ thể của hợp đồng tại E-Hồ sơ mời thầu.

Trên cơ sở đề nghị của nhà thầu Công ty Cổ phần Dược Vacopharm tại Công văn số 250614/VCP ngày 13/6/2025 về việc thay đổi thông tin gia hạn số đăng ký lưu hành thuốc trúng thầu (đính kèm).

Sở Y tế thông báo đến các nhà thầu và các đơn vị việc điều chỉnh thông tin thuốc trúng thầu tại (Phụ lục Danh mục thuốc trúng thầu điều chỉnh thông tin đính kèm)

Các nội dung khác liên quan đến các thuốc trúng thầu nêu trên tại Quyết định số 957/QĐ-SYT và Quyết định số 958/QĐ-SYT ngày 04/7/2023 của Sở Y tế giữ nguyên không thay đổi.

Sở Y tế thông báo đến nhà thầu và các đơn vị được biết, thực hiện. /...
[Signature]

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD và các PGĐ SYT (để b/c);
- BHXH tỉnh;
- Trang thông tin điện tử SYT;
- VPĐT SYT;
- Lưu: VT, NVD, lvmnh.

GIÁM ĐỐC



Hồ Văn Dũng

Phụ lục
DANH MỤC THUỐC TRÚNG THẦU ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN

1. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VACOPHARM

Địa chỉ: 59 Nguyễn Huệ, P. 1, Tp. Tân An, T. Long An

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	GBKLH hoặc GPNK	Thông tin thay đổi	Ghi chú
1	NERUSYN 3G	Ampicilin + sulbactam	2g + 1g	VD-26159- 17	Gia hạn giấy đăng ký lưu hành: 893110387924 (VD-26159-17)	Quyết định 957 /QĐ- SYT

CTY CP DƯỢC VACOPHARM
Số: 2506/LP/VCP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

"V/v xin thay đổi số đăng ký
của thuốc trúng thầu"

Long An, ngày 13 tháng 06 năm 2025

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Kiên Giang

Công ty Cổ phần Dược Vacopharm xin gửi lời chào trân trọng và chân thành cảm ơn Quý Sở Y tế đã tín nhiệm, tạo điều kiện cho chúng tôi phân phối sản phẩm trong thời gian qua;

Thực hiện Quyết định số 957/QĐ-SYT ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu thuốc Generic thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc tập trung tỉnh Kiên Giang đối với các mặt hàng thuốc không lựa chọn được nhà thầu và thuốc trúng thầu phát sinh nhu cầu sử dụng thêm số lượng, giai đoạn 2021-2023;

Bằng văn bản này Công ty Cổ phần Dược Vacopharm xin được thay đổi thông tin thể hiện quy cách đóng gói sản phẩm trúng thầu, cụ thể như sau:

ST T	Mã phân (lô)	Tên thương mại	Hoạt chất, hàm lượng	Số đăng ký	
				Trúng thầu	Xin thay đổi
1	PP23000036 19	Nerusyn 3g	Ampicilin 2g; Sulbactam 1g	VD-26159- 17	893110387924

Chúng tôi xin gửi kèm Quyết định số 364/QĐ-QLD ngày 07/06/2024 Về việc ban hành Danh mục 484 thuốc sản xuất trong nước được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam – Đợt 199 để chứng minh, đồng thời cam kết việc thay đổi này không ảnh hưởng đến tiến độ cung cấp cũng như chất lượng sản phẩm.

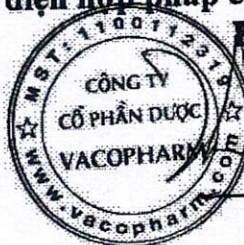
Rất mong nhận được sự chấp thuận của Quý Sở Y tế;

Xin chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào./.

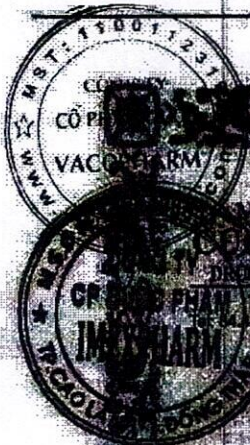
Nơi nhận:

- Như trên;
- VT lưu.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu *Khai*
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐS. Trương Thanh Hải



BỘ Y TẾ
MINISTRY OF HEALTH
CƠ QUAN QUẢN LÝ DƯỢC
DRUG ADMINISTRATION OF VIETNAM
Số 141 Đường Giải Phóng - Hà Nội - Việt Nam
Điện thoại: 04 436234768 - Fax: 04 436234768

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY PHÉP LƯU HÀNH SẢN PHẨM

MARKETING AUTHORIZATION

Tên thuốc: **Nerusyn 3g**
Name of Drug:
Thành phần chính, hàm lượng: **Hỗn hợp Ampicillin natri và Sulbactam natri tương đương Ampicillin 2g, Sulbactam 1g**
Active Ingredients, Strength:
Qui cách đóng gói, bào chế: **Hộp 1 lọ, hộp 10 lọ, Thuốc bột pha tiêm**
Packing Size, Dosage form:
Tiêu chuẩn chất lượng: **TCCS**
Quality Specification:
Hạn dùng: **24 tháng**
Shelf life:
Số giấy phép lưu hành sản phẩm (SĐK): **VD 26359.173**
Marketing Authorization Number:
Số quyết định: **41/QĐ-QĐ** Ngày cấp: **08/02/2017**
Approval Decision Number: Date of Issuance:
Hạn hiệu lực của giấy phép lưu hành sản phẩm: có giá trị 05 năm kể từ ngày cấp
Expiration Date of this Marketing Authorization:
Tên cơ sở đăng ký: **Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm**
Name of Marketing Authorization holder:
Địa chỉ: **Số 04, đường 30/4, Phường 1, Tp. Gao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam**
Address:
Tên cơ sở sản xuất: **Chi nhánh 3, Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương**
Name of Manufacturer:
Địa chỉ: **Số 22, Ngõ 10, Đường 24, KCN Việt Nam-Singapore II, Phường Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam**
Address:
Tên cơ sở đóng gói: **Imexpharm**
Name of Assembler:
Địa chỉ: **Imexpharm**
Address:

Hà Nội, ngày 08 tháng 02 năm 2017.
KI QUỐC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ DƯỢC
FOR GENERAL DIRECTOR OF THE DRUG ADMINISTRATION OF VIETNAM
PHÓ QUỐC TRƯỞNG
DEPUTY GENERAL DIRECTOR OF THE DRUG ADMINISTRATION OF VIETNAM

Ghi chú (Note)

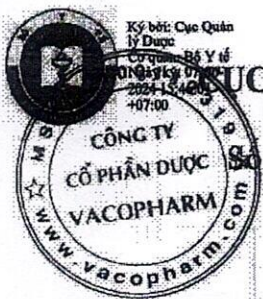
1- Giấy phép lưu hành sản phẩm này được cấp theo đúng hồ sơ đăng ký thuốc đã được Bộ Y tế phê duyệt.

This marketing authorization has been issued in accordance with the data approved by the Vietnam Ministry of Health.

2- Bất cứ sự thay đổi nào về nội dung của giấy phép phải được Cục Quản lý dược - Bộ Y tế xác nhận.

Any variations of the contents of the marketing authorization are required to be approved by the Drug Administration of Vietnam.

NGUYỄN TÀI ĐẠT



BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 364 /QĐ-QLD

Hà Nội, ngày 07 tháng 06 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Danh mục 484 thuốc sản xuất trong nước được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 199

CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ DƯỢC

Căn cứ Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016;

Căn cứ Nghị định số 95/2022/NĐ-CP ngày 15/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 1969/QĐ-BYT ngày 26/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý Dược thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BYT ngày 05/09/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc;

Căn cứ kết luận của Hội đồng tư vấn cấp giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc - Bộ Y tế đợt 199 tại Công văn số 40/HĐTV-VPHD ngày 08/5/2024 của Văn phòng Hội đồng tư vấn cấp GĐKLH thuốc, nguyên liệu làm thuốc;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đăng ký thuốc, Cục Quản lý Dược.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này danh mục 484 thuốc sản xuất trong nước được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 199, cụ thể:

1. Danh mục 362 thuốc sản xuất trong nước được gia hạn giấy đăng ký lưu hành hiệu lực 05 năm (Phụ lục I kèm theo).
2. Danh mục 104 thuốc sản xuất trong nước được gia hạn giấy đăng ký lưu hành hiệu lực 03 năm (Phụ lục II kèm theo).
3. Danh mục 18 thuốc sản xuất trong nước được gia hạn giấy đăng ký lưu hành hiệu lực đến 31/12/2025 (Phụ lục III kèm theo).

Điều 2. Cơ sở sản xuất và cơ sở đăng ký thuốc có trách nhiệm:

1. Sản xuất thuốc theo đúng các hồ sơ, tài liệu đã đăng ký với Bộ Y tế và phải in số đăng ký được Bộ Y tế Việt Nam cấp lên nhãn thuốc.
2. Chỉ được sản xuất, đưa ra lưu hành các thuốc kiểm soát đặc biệt khi có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược phạm vi kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt phù hợp với phạm vi hoạt động của cơ sở đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều 143 Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược.
3. Thực hiện việc cập nhật tiêu chuẩn chất lượng của thuốc theo quy định tại Thông tư số 11/2018/TT-BYT ngày 04/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về chất lượng thuốc, nguyên liệu làm thuốc.
4. Thuốc được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Quyết định này nhưng chưa nộp hồ sơ cập nhật nội dung nhãn thuốc, tờ hướng dẫn sử dụng thuốc theo quy định của Thông tư 01/2018/TT-BYT ngày 18/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế thì phải thực

hiện cập nhật theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 37 Thông tư số 01/2018/TT-BYT trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được gia hạn giấy đăng ký lưu hành.

5. Sau 12 tháng kể từ ngày ký ban hành Quyết định này, các thuốc được gia hạn giấy đăng ký lưu hành theo Quyết định này có thay đổi về nội dung hành chính phải sản xuất và lưu hành với các nội dung đã được phê duyệt thay đổi trong hồ sơ gia hạn.

6. Cơ sở đăng ký thuốc phải bảo đảm duy trì điều kiện hoạt động trong thời gian hiệu lực của giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc. Trong trường hợp không còn đáp ứng đủ điều kiện hoạt động, cơ sở đăng ký phải có trách nhiệm thực hiện thay đổi cơ sở đăng ký theo quy định tại Thông tư số 08/2022/TT-BYT trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cơ sở đăng ký không còn đủ điều kiện hoạt động.

7. Cơ sở sản xuất thuốc phải bảo đảm các điều kiện hoạt động của cơ sở sản xuất trong thời hạn hiệu lực của giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc.

8. Các thuốc được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Quyết định này được tiếp tục sử dụng số đăng ký đã cấp trước khi gia hạn trong thời hạn tối đa 12 tháng kể từ ngày được cấp số đăng ký gia hạn theo quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BYT.

9. Phối hợp với các cơ sở điều trị để thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về thuốc kê đơn, theo dõi an toàn, hiệu quả, tác dụng không mong muốn của thuốc trên người Việt Nam và tổng hợp, báo cáo theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 08/2022/TT-BYT đối với các thuốc trong Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Giám đốc cơ sở sản xuất và cơ sở đăng ký có thuốc tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- BT. Đào Hồng Lan (để b/c);
- TT. Đỗ Xuân Tuyên (để b/c);
- Cục Quân y - Bộ Quốc phòng, Cục Y tế - Bộ Công an;
- Cục Y tế GTVT - Bộ Giao thông vận tải;
- Tổng Cục Hải quan - Bộ Tài chính;
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- Bộ Y tế: Vụ PC, Cục QLYDCT, Cục QLKCB, Thanh tra Bộ, Văn phòng HDTV cấp GDKLH thuốc, NLLT;
- Viện KN thuốc TУ, Viện KN thuốc TP. HCM;
- Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty CP;
- Các Bệnh viện, Viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế;
- Trung tâm mua sắm tập trung thuốc quốc gia;
- Cục QLD: P.QLKDD, P.QLCLT, P.PCHN, P.QLGT;
- Website;
- Lưu: VT, ĐKT (C.H) (02b).



CỤC TRƯỞNG

Vũ Tuấn Cường

Phụ lục I

**DANH MỤC 362 THUỐC SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐƯỢC GIA HẠN GIẤY ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH
TẠI VIỆT NAM HIỆU LỰC 05 NĂM - ĐỢT 199**

(Kèm theo Quyết định số 364 /QĐ-QLĐ ngày 07 tháng 06 năm 2024
của Cục Quản lý Dược)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký gia hạn (Số đăng ký đã cấp)	Số lần gia hạn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

1. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần Dược - Vật tư y tế Nghệ An (Địa chỉ: Số 68 đường Nguyễn Sỹ Sách, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam)

1.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần Dược - Vật tư y tế Nghệ An (Địa chỉ: Số 68 đường Nguyễn Sỹ Sách, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam)

1	Ciprofloxacin-DNA	Ciprofloxacin (dưới dạng Ciprofloxacin hydroclorid) 500mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	ĐENVN V	36	893115377024 (VD-21941-14)	1
2	Nafluextra	Caffein 65mg; Paracetamol 500mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	NSX	24	893100377124 (VD-27249-17)	1

2. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần Dược - Vật tư y tế Thanh Hóa (Địa chỉ: Số 232 Trần Phú, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam)

2.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần Dược - Vật tư y tế Thanh Hóa (Địa chỉ: Số 04 đường Quang Trung, phường Ngọc Trạo, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam)

3	Ciprothepharm	Ciprofloxacin (dưới dạng Ciprofloxacin hydroclorid) 500mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 5 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	ĐENVN V	36	893115377224 (VD-20937-14)	1
4	Themox Tabs	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat) 1000mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	NSX	36	893110377324 (VD-29311-18)	1
5	Thepacol Flutab	Clorpheniramin maleat 2mg; Paracetamol 500mg	Viên nén	Hộp 5 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên; Hộp 20 vỉ x 10 viên	ĐENVN IV	36	893100377424 (VD-29310-18)	1

3. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần dược Apimed (Địa chỉ: 263/9 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)

3.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược Apimed (Địa chỉ: Đường N1, cụm công nghiệp Phú Thạnh - Vĩnh Thanh, xã Vĩnh Thanh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam)

6	Apibrex 100	Celecoxib 100mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	NSX	24	893110377524 (VD-30910-18)	1
7	Apifexo 120	Fexofenadin hydroclorid 120mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 10 viên; Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	BP 2016	36	893100377624 (VD-31025-18)	1
8	Apifexo 180	Fexofenadin hydroclorid 180mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 10 viên; Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	BP 2016	36	893100377724 (VD-31026-18)	1
9	Apifexo 60	Fexofenadin hydroclorid 60mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 10 viên; Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	BP 2016	36	893100377824 (VD-31027-18)	1
10	Apitec 20 - H	Enalapril maleat 20mg; Hydrochlorothiazid 12,5mg	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 10 viên; Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	USP 41	24	893110377924 (VD-30912-18)	1

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký gia hạn (Số đăng ký đã cấp)	Số lần gia hạn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
90	Dixasyro	Dexamethason (dưới dạng dexamethason natri phosphat) 2mg/5ml	Dung dịch uống	Hộp 10 ống, 20 ống x 5ml	NSX	24	893110385924 (VD-32514-19)	1
91	Pacemin	Clorpheniramin maleat 2mg; Paracetamol 325mg	Viên nén	Hộp 10 vi x 10 viên, Hộp 20 vi x 10 viên, Hộp 50 vi x 10 viên	NSX	36	893100386024 (VD-24772-16)	1
92	Fahado Extra	Cafein 65 mg; Paracetamol 500mg	Viên nén	Hộp 10 vi x 10 viên; Hộp 15 vi x 12 viên	ĐDVN hiện hành	36	893100386124 (VD-27882-17)	1

21. Cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm (Địa chỉ: Số 4, đường 30/4, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam)

21.1. Cơ sở sản xuất: Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm (Địa chỉ: Số 4, đường 30/4, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam)

93	Amoxicillin/ Acid clavulanic 500 mg/125 mg	Acid clavulanic (dưới dạng Kali clavulanat - avicel (1:1)) 125mg; Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihidrat) 500mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vi x 7 viên	NSX	24	893110386224 (VD-29761-18)	1
94	Anticid	Calci carbonat 500mg	Viên nén nhai	Chai 200 viên, Chai 500 viên	BP hiện hành	36	893100386324 (VD-31726-19)	1
95	Dikren 50 mg	Diclofenac natri 50mg	Viên nén bao tan trong ruột	Hộp 3 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	ĐDVN hiện hành	24	893110386424 (VD-18961-13)	1
96	Fexofenadin 60mg	Fexofenadin HCl 60mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	USP hiện hành	24	893100386524 (VD-27899-17)	1
97	Paracetamol 500mg	Paracetamol 500mg	Viên nén bao phim	Chai 200 viên; Chai 500 viên	BP hiện hành	48	893100386624 (VD-29764-18)	1
98	Synerbone	Acid alendronic (dưới dạng Natri alendronat) 70mg; Vitamin D3 (Cholecalciferol) 2800IU	Viên nén	Hộp 1 vi x 4 viên	NSX	24	893110386724 (VD-26862-17)	1

21.2. Cơ sở sản xuất: Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương (Địa chỉ: Số 22, Đường số 2, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký gia hạn (Số đăng ký đã cấp)	Số lần gia hạn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
99	Bacsulfo 1g/1g	Cefoperazon (dưới dạng hỗn hợp bột vô khuẩn gồm cefoperazon natri và sulbactam natri tỷ lệ 1:1) 1g; Sulbactam (dưới dạng hỗn hợp bột vô khuẩn gồm cefoperazon natri và sulbactam natri tỷ lệ 1:1) 1g	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 1 lọ; Hộp 10 lọ	ĐEVN V	24	893110386824 (VD-32834-19)	1
100	Cefamandol 0,5g	Cefamandol (dưới dạng cefamandol nafat) 0,5g	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 1 lọ x 0,5g; Hộp 10 lọ x 0,5g	NSX	24	893110386924 (VD-31705-19)	1
101	Cefamandol 1g	Cefamandol (dưới dạng cefamandol nafat) 1g	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 1 lọ x 1g; Hộp 10 lọ x 1g	NSX	24	893110387024 (VD-31706-19)	1
102	Cefamandol 2g	Cefamandol (dưới dạng cefamandol nafat) 2g	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 1 lọ x 2g; Hộp 10 lọ x 2g	USP 41	24	893110387124 (VD-31707-19)	1
103	Cefoperazone 0,5g	Cefoperazon (dưới dạng cefoperazon natri) 0,5g	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 1 lọ x 0,5g; Hộp 10 lọ x 0,5g	USP 41	24	893110387224 (VD-31708-19)	1
104	Cefoperazone 1g	Cefoperazon (dưới dạng cefoperazon natri) 1g	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 1 lọ x 1g; Hộp 10 lọ x 1g	ĐEVN hiện hành	24	893110387324 (VD-31709-19)	1
105	Cefoperazone 2g	Cefoperazon (dưới dạng cefoperazon natri) 2g	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 1 lọ x 2g; Hộp 10 lọ x 2g	ĐEVN hiện hành	24	893110387424 (VD-31710-19)	1
106	Cephalexin 250 mg	Cephalexin (dưới dạng cephalexin monohydrat) 250mg	Viên nang cứng	Chai 200 viên	USP hiện hành	36	893110387524 (VD-31712-19)	1
107	Claminat 1,2g	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin natri) 1g; Acid clavulanic (dưới dạng Kali clavulanat) 200mg	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 1 lọ x 1,2g; Hộp 10 lọ x 1,2g	NSX	24	893110387624 (VD-20745-14)	1
108	Claminat 600	Bột vô khuẩn gồm: Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin natri) 500mg; Acid clavulanic (dưới dạng Kali clavulanat) 100mg	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 1 lọ x 600mg; Hộp 10 lọ x 600mg	BP hiện hành	24	893110387724 (VD-31711-19)	1

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký gia hạn (Số đăng ký đã cấp)	Số lần gia hạn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
109	Nerusyn 1,5g	Hỗn hợp Ampicilin natri và Sulbactam natri tương đương: Ampicilin 1g; Sulbactam 0,5g	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 1 lọ; Hộp 10 lọ	USP hiện hành	24	893110387824 (VD-26158-17)	1
110	Nerusyn 3g	Hỗn hợp Ampicilin natri và Sulbactam natri tương đương: Ampicilin 2g; Sulbactam 1g	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 1 lọ; Hộp 10 lọ	USP 41	24	893110387924 (VD-26159-17)	1
111	Nerusyn 750	Hỗn hợp Ampicilin natri và Sulbactam natri tương đương: Ampicilin 500mg; Sulbactam 250mg	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 1 lọ; Hộp 10 lọ	NSX	24	893110388024 (VD-26160-17)	1
112	Opxil 250	Cephalexin (dưới dạng cephalixin monohydrate) 250mg	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	USP 41	36	893110388124 (VD-31713-19)	1

21.3. Cơ sở sản xuất: Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm – Nhà máy kháng sinh Công nghệ cao Vĩnh Lộc (Địa chỉ: Lô B15/I-B16/I đường 2A, khu công nghiệp Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)

113	Imefed 625 mg	Acid clavulanic (dưới dạng Clavulanat kali kết hợp với Avicel 1:1) 125mg; Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat compacted) 500mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 túi x 2 vỉ x 7 viên	USP hiện hành	24	893110388224 (VD-31717-19)	1
114	Pharmox IMP 1g	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat compacted) 1000mg	Viên nén phân tán	Hộp 2 vỉ x 7 viên	USP hiện hành	24	893110388324 (VD-31724-19)	1
115	Pharmox IMP 500mg	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat compacted) 500mg	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	BP hiện hành	36	893110388424 (VD-32839-19)	1

22. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa (Địa chỉ: Số 74 Đường Thống Nhất, Phường Vạn Thắng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam)

22.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa (Địa chỉ: Đường 2/4, Khóm Đông Bắc, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam)

116	Bromhexin	Bromhexin hydrochlorid 8mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 15 viên, Hộp 4 vỉ x 50 viên	NSX	36	893100388524 (VD-31731-19)	1
117	Cinnarizin	Cinnarizin 25mg	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 50 viên, Hộp 4 vỉ x 50 viên	ĐBVN IV	36	893100388624 (VD-31734-19)	1

PHIẾU GIẢI QUYẾT VĂN BẢN ĐẾN

Số: 18671 SYT - MUD ngày, 17 tháng 6 năm 2025

1. Ý kiến của lãnh đạo cơ quan, tổ chức

- Giao đơn vị, cá nhân chủ trì;... thoa nước
- Giao các đơn vị, cá nhân tham gia phối hợp giải quyết văn bản đến (nếu có);

- Thời hạn giải quyết đối với mỗi đơn vị, cá nhân (nếu có);

- Ngày, 19 tháng 06 năm 2025 cho ý kiến phối, giải quyết

2. Ý kiến của lãnh đạo Khoa, Phòng

- Giao cho cá nhân; thời hạn giải quyết đối với cá nhân (nếu có);

- Ngày, ... tháng, ... năm ... cho ý kiến

3. Ý kiến đề xuất của người giải quyết.

- Ý kiến đề xuất giải quyết văn bản đến của cá nhân;

- Ngày, ... tháng, ... năm ... đề xuất ý kiến